

Số: 202 /2008/QĐ/HT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy định về việc thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Quyết định số 4198/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng KT-KT-NV Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Quyết định số 4815/QĐ-BGD&ĐT ngày 01 tháng 9 năm 2006 cho phép đổi tên thành Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ quyền hạn và chức năng của Hiệu trưởng được quy định tại điều 21 Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành kèm theo quyết định số 14/2005/TTg ngày 17/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Phó Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy định về việc thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy** của Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Trường tổ IT có trách nhiệm lưu trữ Quy định này trên hệ thống Quản lý tài nguyên nội bộ của Trường tại địa chỉ: <http://www1.nttc.edu.vn/docs/> và trên hệ thống Website Trường tại địa chỉ: <http://www.ntt.edu.vn>

Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các khoa, phòng, ban;
- Lưu VT, ĐT.



TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
(Ban hành kèm Quyết định 202/2008/QĐ/HT của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành)

Điều 1. Mục đích

Quy định việc thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng cho các sinh viên hệ chính quy nhập học đào tạo trình độ cao đẳng từ năm học 2007 về trước và các sinh viên hệ chính quy nhập học đào tạo liên thông trình độ cao đẳng..

Điều 3. Tài liệu tham khảo

Quy định về quản lý đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ/HT của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành ngày 15 tháng 4 năm 2008.

Điều 4. Chương trình giáo dục

1. Chương trình giáo dục cho đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy có khối lượng từ 140 đến 160 đơn vị học trình (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hay tương đương.
2. Chương trình giáo dục cho đào tạo liên thông trình độ cao đẳng hệ chính quy có khối lượng từ 75 đến 85 đơn vị học trình (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành nghề.

Điều 5. Đơn vị học trình và tiết học

1. 1 đơn vị học trình = 15 tiết lý thuyết = 30 tiết thực hành = 45 – 90 giờ thực tập (hay 1 đến 2 tuần thực tập).
2. 15 tiết lý thuyết hay 30 tiết thực hành cần 15 giờ tự học.
3. Một tiết học có 45 phút.

Điều 6. Khóa học

1. Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện 3 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hay tương đương.
2. Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng được thực hiện 1,5 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành nghề.

Điều 7. Thời gian tối đa hoàn tất chương trình

1. Đối với chương trình 3 năm:

- Thời gian tối đa hoàn tất chương trình là 5 năm cho học sinh thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Thời gian tối đa hoàn tất chương trình là 6 năm cho học sinh thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Đối với chương trình 1,5 năm:

- Thời gian tối đa hoàn tất chương trình là 2,5 năm cho sinh viên không thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Thời gian tối đa hoàn tất chương trình là 3,5 năm cho sinh viên thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 8. Đánh giá học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

1. Điểm học phần (ĐHP) là điểm trung bình có trọng số của điểm quá trình (ĐQT) và điểm thi kết thúc học phần (ĐTH). Trong đó điểm thi kết thúc học phần chiếm 70% điểm học phần.

$$\text{ĐHP} = 0,3\text{ĐQT} + 0,7\text{ĐTH}$$

2. Điểm quá trình bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi giữa kỳ, điểm tiểu luận (gọi chung là điểm đánh giá bộ phận). Tỷ lệ của các điểm đánh giá bộ phận trong điểm quá trình phải tuân thủ theo đề cương học phần và do giảng viên quyết định.

3. Phải bảo đảm có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ (hoặc thi giữa kỳ) cho mỗi 2 đơn vị học trình.

4. Điểm học phần (ĐHP) được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Điều 9. Đánh giá học phần chỉ có thực hành

1. Sinh viên phải tham gia đủ các bài thực hành. Sinh viên vắng mặt tại buổi thực hành phải đăng ký thực hành tại buổi khác.

2. Điểm trung bình cộng các bài thực hành làm tròn đến 1 chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Điều 10. Thanh điểm đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

Điều 11. Thanh điểm học phần

1. Điểm học phần được cho thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

2. Ký hiệu I được áp dụng cho trường hợp sinh viên được vắng thi có lý do chính đáng và được phép của Phòng Đào tạo. Sau 1 năm, điểm I phải được chuyển sang thang điểm 10.

Điều 12. Thi kết thúc học phần

1. Mỗi sinh viên được phép tối đa có 2 lần thi kết thúc học phần trong học kỳ.
2. Lần thi thứ nhất trong kỳ thi chính thức được tổ chức sau khi kết thúc học phần 1 tuần.
3. Sinh viên có điểm học phần dưới 5 sau lần thi thứ nhất được phép đăng ký thi lần thứ hai. Kỳ thi tổ chức cho các sinh viên này (kỳ thi phụ) được tổ chức sớm nhất không quá 2 tuần sau khi kỳ thi chính thức.

Điều 13. Vắng thi không lý do chính đáng

1. Sinh viên vắng thi không có lý do chính đáng ở kỳ thi chính thức của học phần phải nhận điểm 0 (không) cho điểm thi kết thúc học phần.
2. Sinh viên vắng thi không lý do chính đáng ở kỳ thi chính thức được phép đăng ký thi lần hai tại kỳ thi phụ trong học kỳ.

Điều 14. Vắng thi có lý do chính đáng

1. Với lý do chính đáng (tai nạn, bệnh tật, tang sự ...), sinh viên được phép vắng thi ở kỳ thi chính thức. Sinh viên phải làm đơn xin vắng thi nộp phòng Đào tạo. Đơn phải kèm các giấy tờ minh chứng cho lý do và phải nộp không trễ sau ngày thi kết thúc học phần.
2. Sinh viên được phép vắng thi ở kỳ thi chính thức phải làm đơn xin xóa nợ thi trong vòng 1 năm học. Nếu sau 1 năm học, Sinh viên không xóa nợ điểm thi thì sẽ nhận điểm 0 (không) cho điểm thi kết thúc học phần.
3. Lần thi xóa nợ thi của sinh viên được xem như là lần thi thứ nhất và sinh viên được phép đăng ký thi lần hai nếu điểm học phần dưới 5.

Điều 15. Đăng ký thi lần hai

Sinh viên đăng ký thi lần hai với đơn vị quản lý học phần trong vòng 1 tuần sau khi có kết quả thi.

Điều 16. Tích lũy học phần

Học phần được xem là được tích lũy khi điểm học phần từ 5 trở lên.

Điều 17. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bị điểm dưới 5 sau 2 kỳ thi phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo.

Điều 18. Quy trình đăng ký học lại

Sinh viên đăng ký học lại với đơn vị quản lý học phần. Quy trình tổ chức học lại theo điều 16 của Quy định quản lý đào tạo.

Điều 19. Điểm trung bình chung học tập

1. Điểm trung bình chung học tập là điểm trung bình có trọng số các học phần sinh viên đã đăng ký học tập.

2. Phân biệt điểm trung bình chung học tập của học kỳ (gọi tắt là điểm trung bình học kỳ), điểm trung bình chung học tập của năm học (gọi tắt điểm trung bình năm học), điểm trung bình chung học tập từ đầu khóa học (gọi tắt điểm trung bình học tập).
3. Điểm trung bình chung học tập để xét thi đua – khen thưởng được tính với điểm lần thi thứ nhất của học phần và tính cho tất cả các học phần kể cả học phần học lại.
4. Điểm trung bình chung học tập để xét học vụ (được học tiếp, tạm ngừng, buộc thôi học, xét tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp) là chỉ xét điểm cao nhất của học phần (nếu học phần đăng ký học lại nhiều lần).

Điều 20. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học tập được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 (hai) chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung học tập.
 - a_i là điểm của học phần thứ i .
 - n_i là số đơn vị học trình của học phần thứ i .
 - n là tổng số học phần.
2. Các học phần được tính trong điểm trung bình chung học tập là các học phần đã đăng ký học trong học kỳ (trung bình học kỳ), năm học (trung bình năm học), hay tính tới thời điểm xét (trung bình học tập). Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ khi tính điểm trung bình học kỳ hay trung bình năm học.

Điều 21. Xếp hạng học tập

1. Xếp hạng học tập được xác định dựa trên điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình năm học.
2. Hạng học tập theo bảng sau:

Hạng học tập	Điểm trung bình chung học tập
Xuất sắc	Từ 9,00 đến 10
Giỏi	Từ 8,00 đến 8,99
Khá	Từ 7,00 đến 7,99
Trung bình khá	Từ 6,00 đến 6,99
Trung bình	Từ 5,00 đến 5,99
Yếu	Từ 4,00 đến 4,99
Kém	Dưới 4,00

Điều 22. Được học tiếp

Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình năm học từ 5,00 trở lên.
- Có khối lượng các học phần (cần tích lũy theo yêu cầu của chương trình giáo dục) bị d... dưới 5 từ đầu khóa học không quá 25 đơn vị học trình.

Điều 23. Buộc thôi học vì học vụ

Sinh viên bị buộc thôi học vì lý do học vụ nếu rơi vào một trong những trường hợp sau:

- Có điểm trung bình năm học dưới 3,50.
- Có điểm trung bình học tập dưới 4,00 sau 2 năm học.
- Có điểm trung bình học tập dưới 4,50 sau 3 năm học.
- Có điểm trung bình học tập dưới 4,80 từ 4 năm học.
- Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường.

Điều 24. Tạm ngừng học

1. Sinh viên không thuộc diện được học tiếp hay buộc thôi học phải tạm ngừng học 1 năm.
2. Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt nếu phần bắt buộc; đăng ký học lại hay có thể đăng ký học chuyển qua học phần mới nếu là học p... chọn.
3. Sau thời gian tạm ngừng học, sinh viên sẽ được phép học tiếp nếu thỏa các điều kiện học
4. Thời gian tạm ngừng học được tính vào thời gian học chính thức tại trường.

Điều 25. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được phép xin nghỉ học tạm thời nếu được động viên vào lực vũ trang hay bị... nạn buộc phải điều trị thời gian dài (có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền).
2. Sinh viên được phép xin tạm nghỉ học vì nhu cầu cá nhân nhưng phải học ít nhất một h... trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình học tập dưới 5,00.
3. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chín... Thời gian nghỉ học do được động viên vào lực lượng vũ trang hay bị ốm/ tai nạn không t... thời gian học chính thức.

Điều 26. Học cùng lúc 2 chương trình

1. Sinh viên được học chương trình thứ hai. Sinh viên phải nộp đơn cho Phòng Đào tạo, xác nhận của phụ huynh và cố vấn học tập.
2. Thời gian theo học cả 2 chương trình là thời gian tối đa quy định tại hướng dẫn này.
3. Sinh viên được đăng ký học cùng lúc 2 chương trình nếu thỏa tất cả các điều kiện sau:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.
- Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất.
- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình năm học từ 7,00 trở lên.

Điều 27. Thôi học cùng lúc 2 chương trình

1. Sinh viên được phép thôi học chương trình thứ hai. Sinh viên phải nộp đơn cho Phòng Đào tạo, đơn có xác nhận của phụ huynh và cố vấn học tập.
2. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, *nếu có điểm trung bình năm học* dưới 6,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai.

Điều 28. Thi tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp

1. Thay thế cho việc thi tốt nghiệp sinh viên có thể thực hiện khóa luận tốt nghiệp.
2. Sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự không được thi tốt nghiệp hay nhận khóa luận tốt nghiệp.
3. Sinh viên chỉ được thi tốt nghiệp hay nhận khóa luận tốt nghiệp nếu tích lũy đủ các học phần học phần theo yêu cầu của chương trình giáo dục.
4. Đối với các ngành đào tạo thời đòi hỏi nhiều thời gian cho thí nghiệm hay khảo sát để hoàn tất khóa luận tốt nghiệp, việc nhận đề tài tốt nghiệp có thể đồng thời với thực tập cuối khóa (hay thực tập tốt nghiệp) **nhưng phải bảo đảm đã tích lũy tất cả các học phần còn lại theo yêu cầu của chương trình.**
5. Thời gian thi tốt nghiệp kiến thức chuyên nghiệp không quá 180 phút và không dưới 120 phút. Thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp không dưới 10 tuần và không quá 15 tuần.

Điều 29. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi thỏa tất cả các điều kiện sau:
 - Tích lũy đủ các học phần và số đơn vị học trình theo yêu cầu của chương trình giáo dục.
 - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
 - Thỏa các yêu cầu khác của chương trình giáo dục.
2. Sinh viên theo học 2 chương trình, chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ 2 nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất. Sinh viên phải làm đơn xin xét tốt nghiệp cho chương trình thứ hai nộp cho Phòng Đào tạo trước đợt xét tốt nghiệp.

Điều 30. Xếp hạng tốt nghiệp

1. Hạng tốt nghiệp được xác định dựa trên điểm trung bình học tập như sau:

Hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình học tập
Xuất sắc	Từ 9,00 đến 10
Giỏi	Từ 8,00 đến 8,99

Khá	Từ 7,00 đến 7,99
Trung bình khá	Từ 6,00 đến 6,99
Trung bình	Từ 5,00 đến 5,99

2. Hạng tốt nghiệp của các sinh viên có điểm trung bình học tập thuộc loại xuất sắc và giỏi như quy định trên đây sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong những trường hợp sau:

- Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn chương trình.
- Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

Điều 31. Thi hành

Tất cả các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thi hành Quy định này.



TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

MỤC LỤC

Điều 1. Mục đích	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Tài liệu tham khảo.....	1
Điều 4. Chương trình giáo dục.....	1
Điều 5. Đơn vị học trình và tiết học	1
Điều 6. Khóa học.....	1
Điều 7. Thời gian tối đa hoàn tất chương trình	2
Điều 8. Đánh giá học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành.....	2
Điều 9. Đánh giá học phần chỉ có thực hành.....	2
Điều 10. Thanh điểm đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần.....	2
Điều 11. Thanh điểm học phần	2
Điều 12. Thi kết thúc học phần.....	3
Điều 13. Vắng thi không lý do chính đáng.....	3
Điều 14. Vắng thi có lý do chính đáng	3
Điều 15. Đăng ký thi lần hai	3
Điều 16. Tích lũy học phần	3
Điều 17. Đăng ký học lại	3
Điều 18. Quy trình đăng ký học lại	3
Điều 19. Điểm trung bình chung học tập.....	3
Điều 20. Cách tính điểm trung bình chung.....	4
Điều 21. Xếp hạng học tập.....	4
Điều 22. Được học tiếp.....	5
Điều 23. Buộc thôi học vì học vụ.....	5
Điều 24. Tạm ngừng học.....	5
Điều 25. Nghỉ học tạm thời	5
Điều 26. Học cùng lúc 2 chương trình	5
Điều 27. Thôi học cùng lúc 2 chương trình	6
Điều 28. Thi tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.....	6
Điều 29. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
Điều 30. Xếp hạng tốt nghiệp.....	6
Điều 31. Thi hành.....	7